

Bộ Giáo dục và Đào tạo
Trường Đại học Quy Nhơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Đại số - Hình học - Tô pô.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Công Trình
2. Ngày tháng năm sinh: 12/12/1980. Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Vietnam
Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Hoài Đức, Hoài Nhơn, Bình Định.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 20 Võ Phước, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
6. Địa chỉ liên hệ: Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Quy Nhơn 170 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định.
Điện thoại nhà riêng: 914276236; Điện thoại di động: 0914276236;
Địa chỉ E-mail: leongtrinh@qnu.edu.vn
7. Quá trình công tác:
 - Từ năm 09/2002 đến năm 10/2010: Giảng viên, Khoa Toán, Trường Đại học Quy Nhơn, (Department of Mathematics, Quy Nhon University) 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
 - Từ năm 11/2010 đến năm 10/2015: Trưởng Bộ môn, Khoa Toán, Trường Đại học Quy Nhơn, (Department of Mathematics, Quy Nhon University) 170 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định.
 - Từ năm 11/2015 đến năm 07/2019: Phó Trưởng phòng, Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Quy Nhơn, (Graduate School, Quy Nhon University) 170 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định.
- Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng phòng.
- Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Phòng Đào tạo sau đại học; Trường Đại học Quy Nhơn; Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: 170 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định.

Điện thoại cơ quan: 02563518070.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Không có.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

.....

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 04 tháng 09 năm 2002, ngành Toán học, chuyên ngành: Toán học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Quy Nhơn/170 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định

– Được cấp bằng ThS ngày 11 tháng 05 năm 2005, ngành Toán học, chuyên ngành: Toán giải tích

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Quy Nhơn/170 An Dương Vương, Quy Nhơn, Bình Định

– Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 12 năm 2009, ngành Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết kỳ dị

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kỹ thuật Kaiserslautern/Erwin-Schrödinger-Straße 52, 67663 Kaiserslautern, Germany

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS thời gian: Không có., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Quy Nhơn.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Toán học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Lý thuyết kỳ dị, Hình học đại số thực, Tối ưu đa thức, Bài toán mômen, Giải tích ma trận

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã công bố (số lượng) 1 bài báo KH trong nước, 13 bài báo KH trên tạp chí có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó có 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Bài báo khoa học tiêu biểu								
TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Loại công bố (chỉ số IF)	Tên tạp chí, kì yếu khoa học	Tập	Số	Trang	Năm xuất bản
1	On Wielandt-Mirsky's conjecture for matrix polynomials	Cong Trinh Le	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.363)	Bulletin of the Korean Mathematical Society				2019

2	On the location of eigenvalues of matrix polynomials	Cong Trinh Le, Du Thi Hoa Binh, Tran Duc Nguyen	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.51)	Operators and Matrices				2019
3	On tangent cones at infinity of algebraic varieties	Pham Tien Son, Cong Trinh Le	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.50)	Journal of Algebra and its Applications	17	2	1850143	2018
4	Some Positivstellensätze for polynomial matrices	Cong Trinh Le	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.92)	Positivity	19	3	51-528	2015
5	Equinormalizability and topologically triviality of deformations of isolated curve singularities over smooth base spaces	Cong Trinh Le	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.350)	Kodai Mathematical Journal	38	3	642-657	2015

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không có.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

– Kỷ luật đảng viên vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, cấp Đảng ủy Trường Đại học Quy Nhơn.

Thời hạn hiệu lực từ 30/01/2018 đến 29/01/2019.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Bản thân đạt chuẩn của một giảng viên đại học và hoàn thành tốt nhiệm vụ theo quy định về chế độ làm việc của một giảng viên.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 13 năm. *u*

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014	0	0	0	0	248	45	293
2	2014-2015	0	0	1	0	437	45	532

3	2015-2016	0	0	1	0	350	45	445
3 năm niên cuối								
1	2016-2017	0	0	0	0	89	45	134
2	2017-2018	0	0	1	0	102	45	197
3	2018-2019	1	0	0	0	137	0	337

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

– Học ĐH ☐; Tại nước: từ năm:

– Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☒; Tại nước: Đức năm: 2009

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... ; Số bằng: ... ; Năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bản, chứng chỉ): Tiếng Anh

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Đặng Thị Ngọc Anh		✓	✓		12/2014 đến 11/2015	Trường Đại học Quy Nhơn	2015
2	Lê Văn Hậu		✓	✓		12/2015 đến 11/2016	Trường Đại học Quy Nhơn	2016
3	Nguyễn Hoàng Như Quỳnh		✓	✓		11/2017 đến 10/2018	Trường Đại học Quy Nhơn	2018
4	Đur Thị Hòa Bình	✓		✓		01/2015 đến 01/2009	Trường Đại học Quy Nhơn	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học: Không có

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
----	--	-----------	----------------------	---------------------	---

1	Biểu diễn của đa thức không âm và ứng dụng trong Tối ưu đa thức	Chủ nhiệm	B2016-DQN-03, Bộ/Sở	01/2016 đến 12/2017	15/12/2017
---	---	-----------	---------------------	---------------------	------------

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
1	On tangent cones of analytic sets and Lojasiewicz exponents	2	Bulletin of the Iranian Mathematical Society	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.313)	0	/		2019
2	On Wielandt-Mirsky's conjecture for matrix polynomials	1	Bulletin of the Korean Mathematical Society	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.363)	0	/		2019
3	Two trace inequalities for operator functions	4	Mathematical Inequalities and Applications	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.601)	0	/		2019
4	On the location of eigenvalues of matrix polynomials	3	Operators and Matrices	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.51)	0	/		2019
5	On tangent cones at infinity of algebraic varieties	2	Journal of Algebra and its Applications	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.50)	5	17/2	1850143	2018
6	A note on optimization with Morse polynomials	1	Communication of the Korean Mathematical Society	ISI (KHTN-CN) (IF: 0.358)	0	33/2	671-676	2018



7	Handelman's Positivstellensatz for polynomial matrices positive definite on polyhedra	2	Positivity	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.92)	2	22/2	449-460	2018
8	Nonnegative Morse polynomial functions and polynomial optimization	1	Positivity	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.92)	2	20/2	483-498	2016
9	Some Positivstellensätze for polynomial matrices	1	Positivity	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.92)	6	19/3	51-528	2015
10	Equinormalizability and topologically triviality of deformations of isolated curve singularities over smooth base spaces	1	Kodai Mathematical Journal	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.350)	3	38/3	642-657	2015
11	Characterization of non-negative polynomials in two variables on compact basic semi-algebraic sets via Newton diagrams	1	Quy Nhon University Journal of Science	Khác	1	VIII/1	5-16	2014
12	Equinormalizable theory for plane curve singularities with embedded points and the theory of equisingularity	1	Hokkaido Mathematical Journal	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.264)	1	41/3	317-334	2012
13	Jensen's functional equation on the symmetric group S_n	2	Aequationes Mathematicae	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.874)	2	82/3	269-276	2011
14	On deformations of maps and curve singularities	2	Manuscripta Mathematica	SCI (KHTN-CN) (IF: 0.549)	5	127/1	1-21	2008

Chú thích: (*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXXH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có.

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Thưởng công trình Toán học năm 2018 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	100/QĐ-BGDĐT, 25/10/2018	2
2	Thưởng công trình Toán học năm 2017 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	4360/QĐ-BGDĐT, 13/10/2017	1
3	Thưởng công trình Toán học năm 2016 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	3028/QĐ-BGDĐT, 26/8/2016	1
4	Thưởng công trình Toán học năm 2015 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	6330/QĐ-BGDĐT, 31/12/2015	1
5	Thưởng công trình Toán học năm 2012 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	842/QĐ-BGDĐT, 7/3/2013	1

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

Không có.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bình Định, ngày 02 tháng 7 năm 2019

Người đăng ký

(Ghi rõ họ tên, ký tên)



Lê Công Trình

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai.

Những thông tin ứng viên Lê Công Trình đã kê khai trong phần “Thông tin cá nhân” là chính xác.

- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

Ứng viên Lê Công Trình đã công tác tại Trường Đại học Quy Nhơn từ tháng 9/2002. Trong suốt thời gian công tác tại đơn vị, ứng viên Lê Công Trình đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Bình Định, ngày 8 tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ